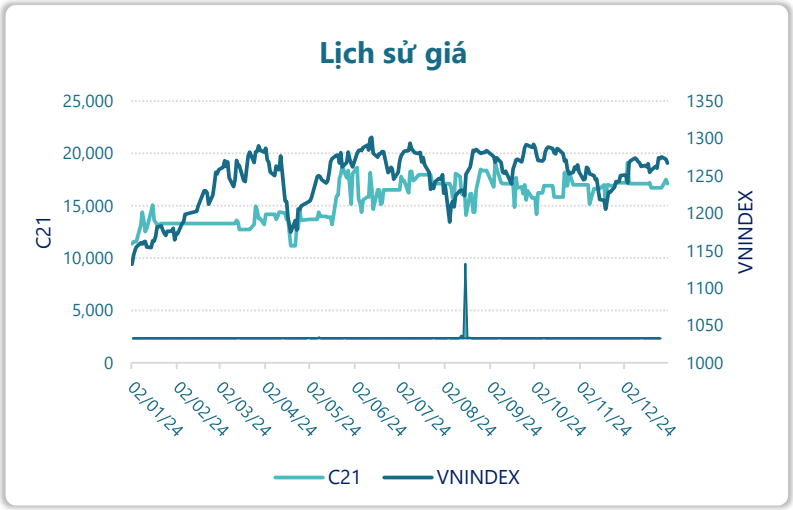
FireAnt

CTCP Thế kỷ 21 (UPCOM: C21)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,237
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,173
SL cổ phiếu LH	18,138,647
KLGD BQ 20 phiên (CP)	130
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	310
P/E	37.7
EPS	453

DT thuần

Q4/24

19.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.70| -11.9%

YoY: ▲ 1.20| 6.7%

LN sau thuế

Q4/24

11.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.24| 85.8%

YoY: ▲ 16.4| 330%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

21.8%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

2024

93.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.2| 17.9%

LN sau thuế

2024

10.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.30| -23.3%

ROE

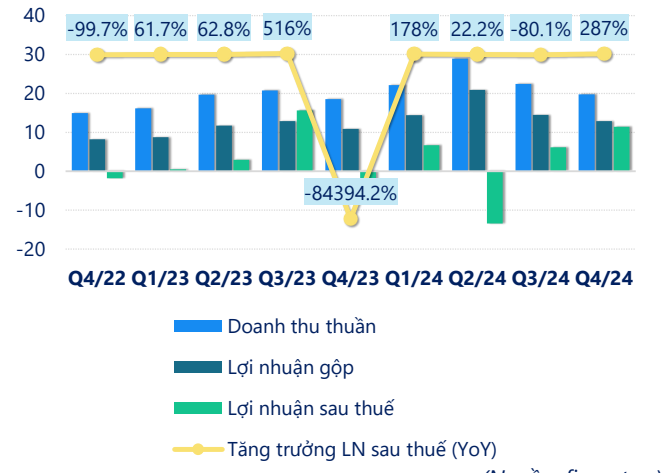
2024

1.1%

+/- YoY: ▼ 0.7%

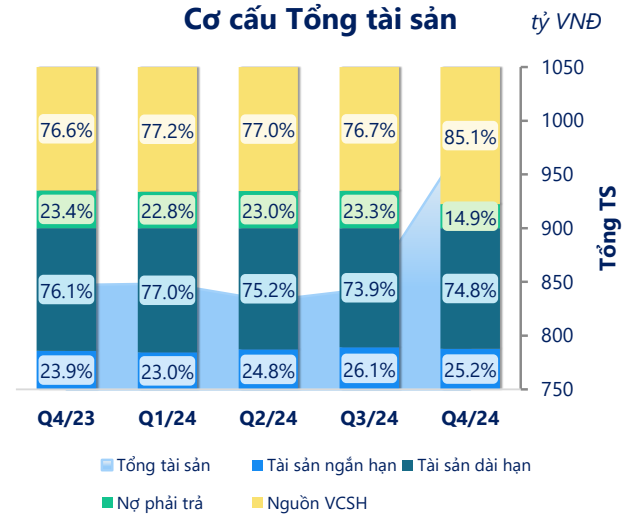
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



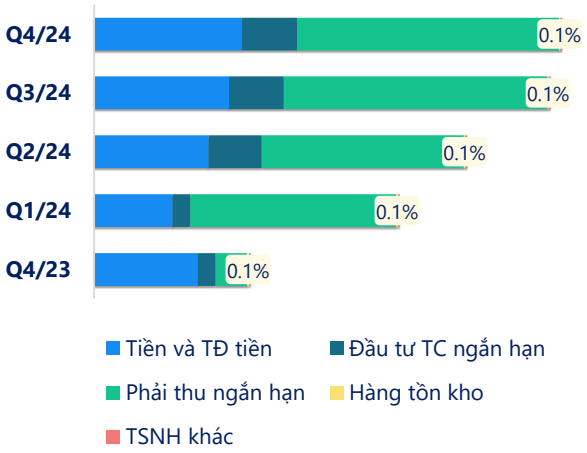
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



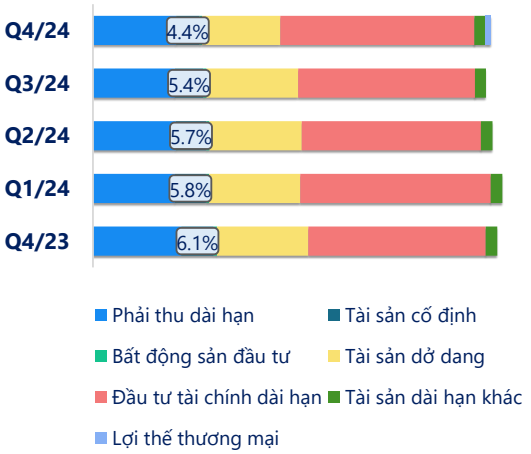
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



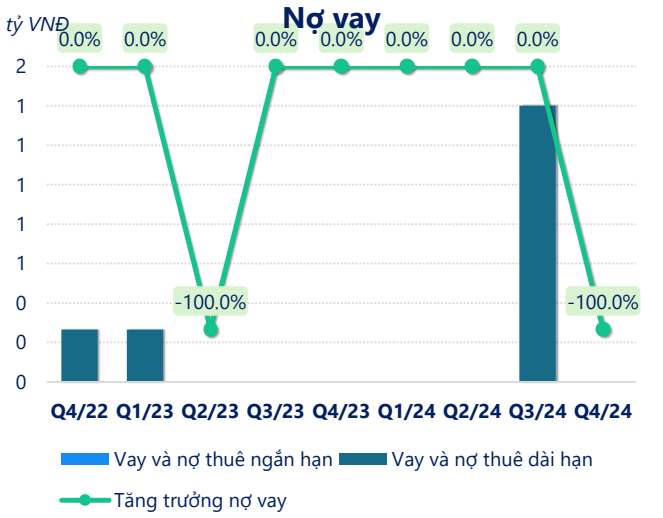
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



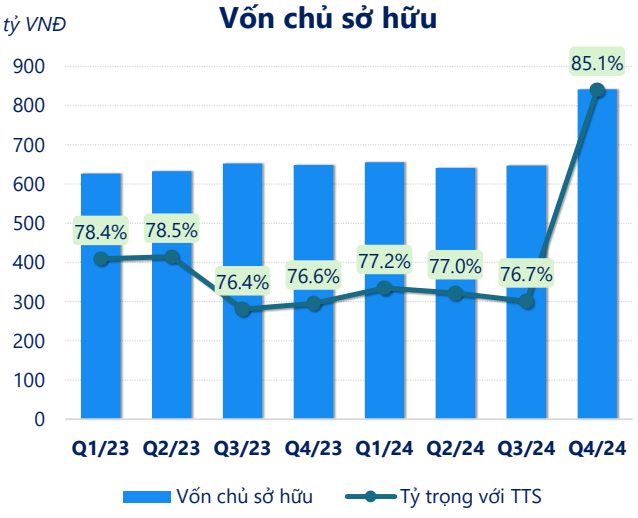
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



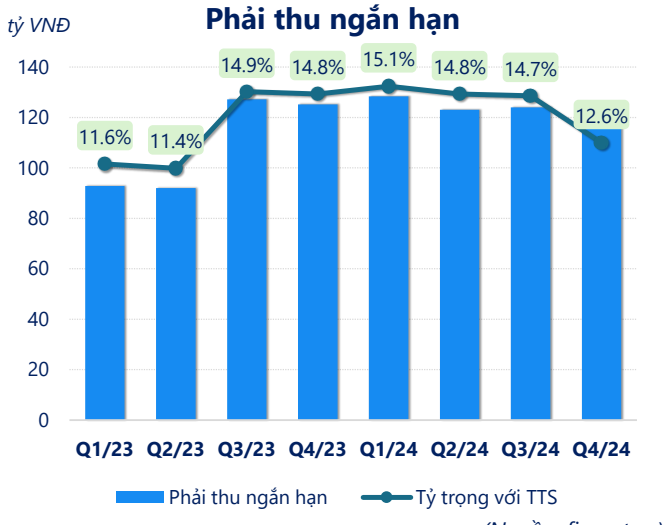
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



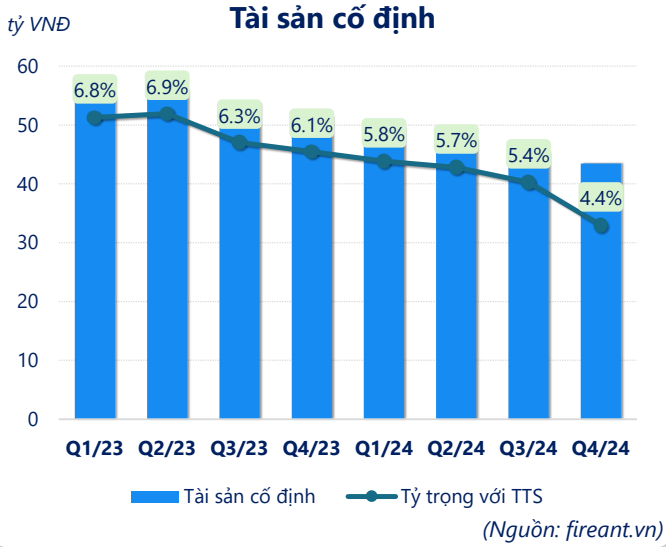
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



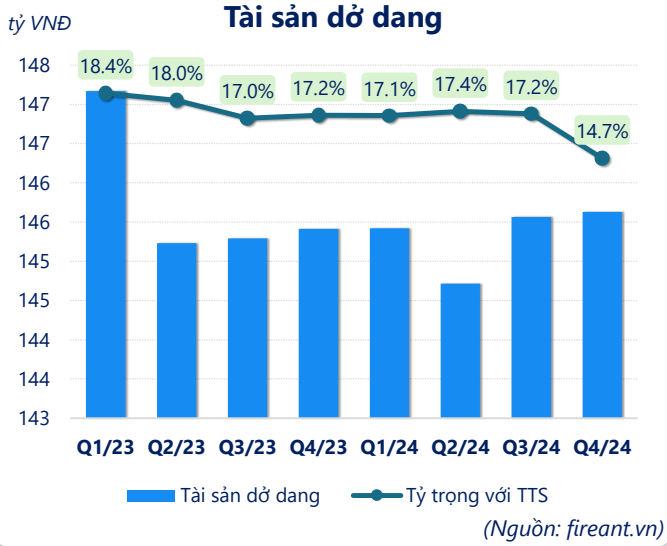
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



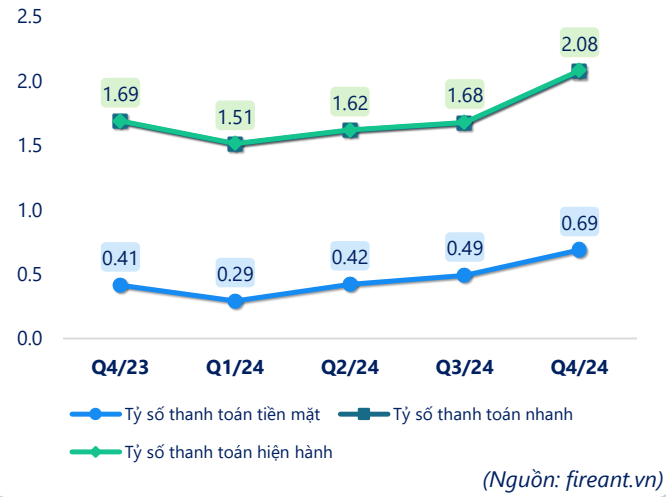
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



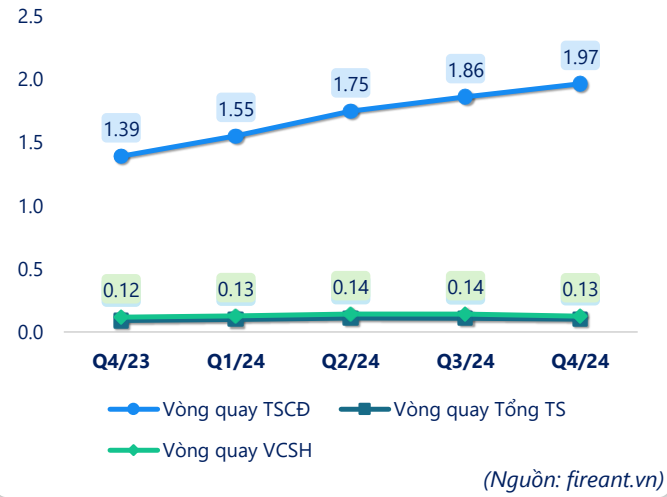
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**847**	**848**	**833**	**844**	**989**
Tài sản ngắn hạn	**203**	**195**	**207**	**220**	**249**
Tiền và tương đương tiền	49.6	37.6	53.8	64.3	82.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.5	26.5	26.6	28.6	40.7
Phải thu ngắn hạn	125	128	123	124	124
Hàng tồn kho	0.50	0.52	0.72	0.73	0.98
Tài sản ngắn hạn khác	0.95	2.12	2.61	2.58	0.90
Tài sản dài hạn	**644**	**653**	**626**	**624**	**740**
Phải thu dài hạn	141	131	130	130	155
Tài sản cố định	51.4	49.6	47.5	45.3	43.5
Bất động sản đầu tư	5.29	5.19	5.08	4.98	4.88
Tài sản dở dang	145	145	145	146	146
Đầu tư tài chính dài hạn	283	304	280	281	361
Tài sản dài hạn khác	18.8	18.6	18.4	17.4	21.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	9.24
Nợ phải trả	**198**	**193**	**192**	**197**	**148**
Nợ ngắn hạn	**120**	**129**	**128**	**131**	**120**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	6.03	7.41	7.43	5.67	5.54
Nợ dài hạn	78.1	64.4	63.8	65.5	27.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	1.40	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**649**	**655**	**641**	**647**	**842**
Vốn chủ sở hữu	**649**	**655**	**641**	**647**	**842**
Vốn điều lệ	193	193	193	193	193
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)